

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2022

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 145/2022/TLST- DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị A trình bày: Chị T và anh B chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2011, tại Ủy ban nhân dân Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình chung sống có 01 con chung: Cháu K, sinh ngày 08/7/2011. Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa chị T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B thường xuyên uống rượu, không chăm lo cuộc sống gia đình, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Về con chung, khi ly hôn chị T yêu

cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành Ân trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung anh thống nhất với lời trình bày của chị T. Tuy nhiên, anh B không đồng ý ly hôn với chị T vì anh B xác định mâu thuẫn giữa anh và chị T là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, hai bên có thể tự giải quyết được, anh còn thương vợ con nên muốn gia đình đoàn tụ. Nhưng nếu trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung anh tôn trọng quyết định của con. Về tài sản chung, nợ chung anh xác định trong quá trình chung sống vợ chồng anh và chị T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt nên áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh B. Về con chung: Giao cháu K, sinh ngày 08/7/2011 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị A và anh B tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/01/2011 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B và nuôi con chung, đây thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn*”, anh B hiện đang cư trú tại Khóm X, Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thị xã R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh B đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Sau khi kết hôn hợp pháp, chị T và anh B sống với nhau hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh B thường xuyên uống rượu không chăm lo cuộc sống gia đình nên vào năm 2019 chị T và anh B không còn sống chung với nhau cho đến nay. chị T nhận thấy vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh B. Còn anh B xác định không đồng ý ly hôn với chị T, anh B thừa nhận giữa anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn như chị T trình bày, nhưng anh B cho rằng những mâu thuẫn giữa chị T và anh là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống có thể tự hòa giải được.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã hòa giải để chị T và anh B đoàn tụ nhưng chị T cương quyết ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Còn anh B mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, qua đó có thể thấy anh B cũng không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc khác, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng giữa chị T và anh B đã sống ly thân thời gian dài, vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con chung: chị T và anh B xác định anh chị có 01 người con chung là cháu Nguyễn Mỹ Kim, sinh ngày 08/7/2011; khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, còn anh B thì xác định anh tôn trọng quyết định của con. Căn cứ biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 14/4/2022 cháu K xác định “cháu biết việc cha mẹ cháu ly hôn, khi cha mẹ ly hôn cháu có mong muốn được ở với mẹ do từ trước đến nay cháu sống cùng mẹ, việc cháu muốn ở với mẹ là hoàn toàn tự nguyện.” Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “ *Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con* ”. Từ những căn cứ trên

cho thấy cháu Kim có nguyện vọng ở cùng chị T, từ trước đến nay cháu sống cùng chị T phát triển bình thường, được chị T cho đi học đầy đủ, do đó để tránh làm sáo trộn đời sống và sự phát triển tâm sinh lý của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao cháu Kim cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật. anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh B đều thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

67] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hữu Thị Mộng Tuyền. Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung cháu K cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu K hiện đang sống cùng với chị T nên được giữ nguyên.

2.2. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2.3. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị A có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị T đã nộp tạm ứng án phí

300.000 đồng tại Biên lai thu số: 0003964, ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy